TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 84/2025/DS-ST Ngày 16-4-2025 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Trọn và ông Trần Minh Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Bảo Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 679/2024/TLST-DS, ngày 27 tháng 12 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2025/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn B, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

1. Ông Võ Văn H, sinh năm 1962 (vắng mặt)

2. Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 12 năm 2024 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Văn B trình bày:

Vào ngày 10/4/2024 âm lịch ông có cho ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị H1 vay 300.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 20%/năm, không thỏa thuận thời gian trả nợ, khi vay có làm biên nhận và ông Võ Văn H ký tên. Ông H và bà H1 hứa khi nào có tiền sẽ trả hết nợ cho ông nhưng đến nay không trả. Tính từ ngày 10/4/2024 âm lịch đến ngày 10/11/2024 âm lịch là 08 tháng là 40.000.000 đồng tiền lãi. Nay ông yêu cầu ông H và bà H1 trả cho ông 300.000.000 đồng tiền gốc và 08 tháng tiền lãi là 40.000.000 đồng, tổng cộng là 340.000.000 đồng.

Ông H và bà H1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn B khởi kiện ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị H1 yêu cầu trả số tiền nợ vay nên đây là quan hệ tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông H và bà H1 cư trú tại huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông H và bà H1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về nội dung tranh chấp: Ông Lê Văn B khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị H1 trả 300.000.000 đồng tiền nợ vay và 40.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 10/4/2024 âm lịch đến ngày 10/11/2024 âm lịch, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện ông B cung cấp biên nhận ngày 10/4/2024 âm lịch do ông H viết có nội dung: "… *Tôi tên Võ Văn H, 1962 cư ngụ ấp Cái Nước Biển, xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau cùng với vợ tôi Huỳnh Thị H1 1965 cùng cư ngụ như trên. Có nhờ anh Lê Văn B 1960 vay dùm số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) lãi suất thỏa thuận. Tôi hứa sẽ đóng lãi hàng tháng*…" có ông H ký tên. Ông B xác định biên nhận ông H viết nhờ ông B vay dùm là do ông không có tiền nên vay của người khác và cho ông H, bà H1 vay lại, ông H, bà H1 phải có trách nhiệm trả số nợ trên cho ông, việc ông vay tiền của người khác thì ông có trách nhiệm trả không liên quan đến ông H, bà H1. Từ những chứng cứ trên, chứng minh ông H có vay của ông B 300.000.000 đồng, khi vay không xác định thời gian trả nợ, ông B có yêu cầu ông H và bà H1 trả nợ nhiều lần nhưng ông H, bà H1 không trả số nợ trên nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông H tham gia tố tụng nhiều lần nhưng ông H đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn B, buộc ông H trả cho ông Lê Văn B 300.000.000 đồng tiền vay là có căn cứ.

[3.1] Việc vay nợ hai bên có thỏa thuận lãi suất, ông B xác định lãi suất là 20%/năm đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên có căn cứ chấp nhận. Thời gian bị đơn vi phạm nghĩa vụ và nguyên đơn yêu cầu tính lãi là từ ngày 10/4/2024 âm lịch (tức ngày 17/5/2024 dương lịch) đến ngày 10/11/2024 âm lịch (tức ngày 10/12/2024 dương lịch) là 08 tháng là không đúng mà là 06 tháng 23 ngày, nhưng theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu tiền lãi là 08 tháng là đến ngày 17/01/2025 dương lịch nên được chấp nhận, như vậy: lãi

08 tháng x 300.000.000 đồng x 20%/năm = 40.000.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 340.000.000 đồng.

[3.2] Theo biên nhận nợ bà H1 không ký tên, xét thấy bà H1 và ông H là vợ chồng, việc vay nợ thực hiện trong thời kỳ hôn nhân và biên nhận có viết bà H1 cùng ông H nhờ ông B vay dùm 300.000.000 đồng, bà H1 cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H1 và ông H trả tổng số tiền gốc và lãi 340.000.000 đồng cho ông B là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B được chấp nhận nên ông B không phải chịu án phí, ông H và bà H1 phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 463, 466 và 469 của Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B. Buộc ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị H1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn B số tiền nợ vay gốc và lãi là 340.000.000 (ba trăm bốn mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị H1 phải nộp 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng. Ông Lê Văn B là người cao tuổi được miễn tiền tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- CCTHADS huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Thị Vẹn